

Số: 107 /KH-THCSNM

Ninh Mỹ, ngày 16 tháng 9 năm 2024

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện các khoản thu, chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách Năm học 2024-2025**

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ hướng dẫn số 01/HD-TĐNB SGD&ĐT ngày 16 tháng 9 năm 2017 của tỉnh Đoàn Ninh Bình – Sở GD&ĐT Ninh Bình hướng dẫn xây dựng và quản lý quỹ đoàn đội trong trường học.

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 1405 /SGD&ĐT-KHTC ngày 30 tháng 11 năm 2018 của sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện quy định về tài trợ GD theo thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị Quyết số 39/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của HĐND tỉnh Ninh Bình về việc Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 2879/QĐ-UBND, Quyết định số 2880/QĐ-UBND, Quyết định số 2881/QĐ-UBND, Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư về việc giao dự toán, phân bổ ngân sách Nhà nước năm 2024 cho trường THCS Ninh Mỹ.

Căn cứ Văn bản số 2179/BGDĐT-KHTC ngày 13/5/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 1362/SGDĐT-KHTC ngày 30 /8/2024 của Sở GD&ĐT Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong trường học năm học 2024-2025;

- Căn cứ công văn Liên ngành giữa GDĐT và Bảo hiểm xã hội tỉnh Ninh Bình số 1212/LN-GDĐT –BHXH ngày 23/8/2024 về việc triển khai Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2024-2025.

Căn cứ công văn 1044/BVCN ngày 27/5/2024 về việc hướng dẫn triển khai bảo vệ cho giáo viên và học sinh năm học 2024-2025.

Căn cứ việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 của nhà trường và điều kiện thực tế địa phương xã Ninh Mỹ.

Trường THCS Ninh Mỹ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác thu, chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách năm học 2024-2025 như sau:

#### **I. Đặc điểm của trường THCS Ninh Mỹ**

## 1. Thuận lợi

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo và lãnh đạo thường xuyên, trực tiếp của Phòng Giáo dục Hoa Lư, của các cấp Ủy đảng, chính quyền các ban ngành, đoàn thể trong xã và huyện.

Đội ngũ giáo viên đoàn kết, nhiệt tình trách nhiệm, độ tuổi trẻ, khoẻ, trình độ CB, GV đạt chuẩn cao.

### \* Về phía địa phương:

Phong trào xã hội hoá giáo dục khá tốt. ĐU, UBND, HĐND và MTTQ xã Ninh Mỹ đặc biệt quan tâm giúp đỡ, nhân dân chăm lo cho giáo dục đặc biệt là Hội CMHS và Hội Khuyến học xã.

Học sinh và nhân dân Ninh Mỹ có phong trào hiếu học, nhà trường có truyền thống hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành. Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối khang trang, cơ bản đầy đủ phục vụ cơ bản đảm bảo cho hoạt động dạy và học của thầy và trò.

## 2. Khó khăn

Là trường quy mô nhỏ, kinh phí hạn hẹp nên mọi hoạt động vậy nên mọi phong trào, mọi cuộc thi đều gặp rất nhiều khó khăn.

Ninh Mỹ là xã thuần nông ít gia đình có nghề phụ nên việc đầu tư cho giáo dục còn nhiều hạn chế.

Vị trí xã ở trung tâm huyện, có quốc lộ chạy qua, giáp ranh với thành phố vì vậy có nhiều tệ nạn xã hội rất dễ ảnh hưởng đến học sinh.

Đội ngũ nhân viên thiếu (Thiếu nhân viên y tế học đường, thư viện, thiết bị, văn thư – thủ quỹ) nên ảnh hưởng tới mọi công việc của nhà trường.

## 3. Thực trạng tính đến thời điểm 16/9/2024

### a. Cơ cấu tổ chức

Nhà trường có hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng. Có Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua - khen thưởng.

Chi bộ Đảng nhà trường gồm 21 đảng viên; có tổ chức Công đoàn gồm 24 công đoàn viên; chi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có 04 đoàn viên; Đội TNTP Hồ Chí Minh có 427 đội viên.

Trường có 02 tổ chuyên môn (tổ khoa học tự nhiên, tổ khoa học xã hội) và 01 tổ văn phòng. Thông tin cụ thể như sau:

Thông tin	Tổng số	Số nữ	Đảng viên	Trình độ				Biên chế	Hợp đồng
				TrDH	ĐH	CD	TC		
BGH	2	2	2		2			2	
Giáo viên	21	20	18		21			21	
TPT									
Thư viện									
Kế toán	1	1	1				1	1	
T Bị									
Bảo vệ									
<b>Tổng</b>	<b>24</b>	<b>23</b>	<b>21</b>		<b>23</b>		<b>1</b>	<b>24</b>	

## **b. Cơ sở vật chất, quy mô trường lớp, đội ngũ giáo viên.**

### **\* Cơ sở vật chất:**

Nhà trường có số phòng học: 10 phòng; phòng học bộ môn: 03 phòng; nhà thi đấu đa năng với diện tích 800m<sup>2</sup>; phòng thư viện: 02; phòng đoàn đội: 01; phòng truyền thống: 01; khu hiệu bộ: đủ; phòng y tế học đường: 01; Nhà kho: 01; phòng thường trực: 01.

Có khu vệ sinh dành cho giáo viên và học sinh riêng biệt.

Có tương đối đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho dạy và học.

### **\* Quy mô trường lớp:**

<b>Nội dung thông tin</b>	<b>Khối 6</b>	<b>Khối 7</b>	<b>Khối 8</b>	<b>Khối 9</b>	<b>Cộng</b>
Số lớp	3	3	2	2	<b>10</b>
Số học sinh	117	133	93	84	<b>427</b>
Số học sinh lưu ban	0	0	0	0	<b>0</b>
Bình quân học sinh/ lớp	39.0	44.3	46.5	42.0	<b>42.7</b>
Số HS nữ	57	63	45	41	<b>206</b>
Số đội viên	117	133	93	84	<b>427</b>
Số con liệt sĩ	0	0	0	0	<b>0</b>
Số con TB, BB, MSLĐ	0	0	0	0	<b>0</b>
Số con hộ nghèo	0	0	0	0	<b>1</b>
Số con cận nghèo	1	3	1	2	<b>7</b>
Số học sinh khuyết tật hoà nhập	0	0	1	1	<b>2</b>

## **II. Mục đích**

- Nhằm thực hiện các dịch vụ và hỗ trợ các hoạt động giáo dục góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

- Nâng cao trách nhiệm của cha mẹ học sinh, cộng đồng trong việc phối hợp, tham gia hoạt động giáo dục; thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa giáo dục.

## **III. Yêu cầu**

- Thực hiện đúng quy định của các cấp về công tác thu chi trong nhà trường.

- Thực hiện công khai mọi khoản về thu chi theo quy định của luật tài chính.

## **IV. Nội dung các khoản thu - chi ngoài ngân sách**

**1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục (khoản thu nhà trường thỏa thuận với CMHS)**

**1.1. khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục quy định mức trần**

### **1.1.1 Trông giữ xe đạp**

Đối tượng thu: Học sinh đang học tại trường đi xe đạp, xe đạp điện

Căn cứ theo Công văn số 1362/SGDDĐT-KHTC, ngày 30 tháng 8 năm 2024 về việc Hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong trường học năm học 2024 - 2025. Tiền trông giữ xe đạp nhằm phục vụ trực tiếp bảo quản tài sản cá nhân cho học sinh. Kinh phí bao gồm nộp thuế dịch vụ; thuê nhân công trông coi xe; mua sắm và bảo dưỡng 01 số thiết bị phục vụ công tác trông coi xe bảo quản xe đạp, xe đạp điện của học sinh gửi tại trường.

Nhà trường ký kết hợp đồng với nhân viên trông giữ xe cho HS gửi xe.  
Trên cơ sở số học sinh đăng ký gửi xe là 320 em.

### Phân dự kiến chi

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Tháng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Thuê nhân công	Tháng	1	2.500.000	9	22.500.000	Từ tháng 9/2024 đến hết tháng 5/2025
2	Mua sắm và bảo dưỡng 01 số thiết bị	Tháng	1	Khoảng 300.000	9	2.700.000	
3	Thuế dịch vụ	10%				2.600.000	
<b>Cộng</b>						<b>27.800.000</b>	

### Phân dự kiến thu

Dự kiến mức thu 10.000đ/HS/ tháng x 9 tháng = 90.000đ/HS/năm.

Miễn 12 học sinh khuyết tật, con hộ nghèo, cận nghèo, con có HC gia đình khó khăn.

Dự kiến thu được: 308 HS x 90.000đ = 27.720.000 đồng.

#### 1.1.2. Thẻ học sinh

**Phân dự kiến chi:** Hợp đồng với nhà cung cấp ảnh, in ấn thẻ 30.000đ/01 thẻ

**Phân dự kiến thu:** 30.000đ/01 thẻ/ HS lớp 6.

#### 1.1.3. Dạy học thêm

**Phân dự kiến chi:**

Căn cứ cách tính chi trả tiền dạy tăng giờ đối với GV là: 204.000 đồng/tiết đối với cấp THCS (hệ số lương BQ 3,66 x 2,34 trừ x 130% (lương +P/C ưu đãi)/82 tiết/tháng x 150%).

Căn cứ số HS đăng ký học thêm trừ đối tượng miễn giảm ở các lớp 16 trường hợp. Ước tính sỹ số bình quân/ lớp: Khoảng 40hs x 7.000 = 280.000; Chi 2% thuế là 5600đ, GV trực tiếp dạy được hưởng 74% là 203.056 đồng/tiết; số còn lại 29% để chi công tác quản lý, hao mòn cơ sở vật chất, tài liệu.

**Phân dự kiến thu:** 7.000đ/01 tiết/ HS tham gia học thêm. Số tiền thực tế căn cứ vào số tiết học sinh tham gia học thêm trong tháng thực tế.

#### 1.1.4. Học phẩm phục vụ các kỳ thi kiểm tra

**Phân dự kiến chi:**

Nhà trường ký kết hợp đồng với CS phô tô, cung cấp giấy thi, giấy nháp, văn phòng phẩm... phục vụ các kỳ thi, kiểm tra, kiểm định....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Phô tô A3 05 kỳ thi	Tờ	2.500	1.000	2.500.000	Cả năm học
2	Phô tô A4 05 kỳ thi	Tờ	6.800	500	3.400.000	
3	Mua giấy nháp 5 kỳ thi	Tờ	30 gam	50.000	1.500.000	
4	Mua giấy thi 5 kỳ thi	Tờ	3.500	1.500	5.950.000	
6	Mua giấy, phô tô 02 kỳ Kiểm định K6,K8 và 02 kỳ thi thử vào THPT K9	Tờ	4 lượt	1.000	4.000.000	
7	Văn phòng phẩm khác	kỳ thi kiểm tra kiểm định	9	880	7.920.000	
<b>Cộng</b>					<b>25.270.000</b>	

### Phần dự kiến thu

- Miễn 06 học sinh thuộc đối tượng HS khuyết tật, con hộ nghèo.
- Dự kiến thu cả năm: 421 học sinh x 60.000đ/ năm/ HS = 25.260.000đ

### 3.1.5. Vệ sinh trường, khu vệ sinh

Đối tượng thu: Học sinh đang học tại trường

Căn cứ theo Công văn số 1362/SGDDĐT-KHTC, ngày 30 tháng 8 năm 2024 về việc Hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong trường học năm học 2024 - 2025.

Nhà trường ký kết hợp đồng với nhân viên lao công quét sân trường và dọn dẹp vệ sinh khu vực trường, khu nhà vệ sinh học sinh.

### Phần dự kiến chi

ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thuê nhân công</b>				<b>54.000.000</b>	
<b>1</b>	Trả tiền công thuê người quét dọn sân trường.	Tháng	9	3.000.000	<b>27.000.000</b>	Từ tháng 9/2024 đến hết tháng 5/2025
<b>2</b>	Trả tiền công thuê người quét dọn, rửa khu nhà vệ sinh học sinh	Tháng	9	2.000.000	<b>18.000.000</b>	
<b>3</b>	Ô tô chở đi và xử lý rác	Tháng	9	1.000.000	<b>9.000.000</b>	

<b>II</b>	<b>Mua sắm đồ dùng vệ sinh</b>				<b>19.080.000</b>	
1	<b>Giấy vệ sinh Hoàng Linh</b> Quy cách: 1 bịch có 10 dây; 1 dây đóng gói bao 10 cuộn/dây x 3 lớp không lõi.	Bịch	15	450.000	6.750.000	10 phòng VS x 1.5 bịch/ năm học
2	<b>Bánh xà phòng Lifeboy:</b> - Thương hiệu: Lifebuoy - Thông số kỹ thuật: 125g - Đơn vị tính: 1 bánh - Màu sắc: Hồng	Bánh	54	20.000	1.080.000	6 bồn rửa tay x 01 bánh/tháng
3	<b>Nước tẩy nhà vệ sinh Okay</b> Quy cách: đóng chai 900ml, chai màu hồng.	Chai	90	45.000	4.050.000	10 phòng VS x chai/tháng
4	<b>Nước lau sàn Bontany sả chanh</b> Quy cách: đóng chai 1,25 lít. Dạng gel lỏng màu xanh	Chai	20	50.000	1.000.000	10 phòng vệ sinh x 02 chai/năm học
5	<b>Chổi đót</b> Quy cách: chất liệu bông cỏ thiên nhiên được bó bên chắc và mềm dai, cán nhựa dài, trọng lượng 450 gram, độ rộng lưỡi chổi 55cm, nhãn hiệu song long	Cái	10	50.000	500.000	5 cái/học kỳ
6	<b>Chổi cọ toilet</b> Quy cách: cán cầm bằng inox dày dặn dài 30cm, phần đầu cọ các sợi dai và bền	Cái	20	30.000	600.000	10 nhà vệ sinh x 01 cái/ học kỳ
7	<b>Găng tay cao su</b> Quy cách: đóng gói 1 đôi/túi, dài 20cm, chất liệu cao su mềm, nhiều màu.	Đôi	20	20.000	400.000	10 đôi/học kỳ
8	<b>Cây lau nhà cán inox song long:</b> -Xuất xứ: Hàng Việt Nam -Màu sắc: xanh -Chất liệu: Inox không gỉ -KT cây lau: 145cm. -KT Bản lau: 90cm -Bông lau: sợi Mycrofiber siêu thấm	Cái	5	70.000	350.000	Lau sàn VS cả năm

9	<b>Chổi cước quét nước cán inox NK:</b> Quy cách: Cán cầm dài 130cm bằng thép không gỉ, sợi cước công nghiệp được nẹp bền chắc, sợi cước mềm, độ rộng lưỡi chổi 45cm, trọng lượng 350 gram	Cái	6	50.000	300.000	02 nhà vệ sinh nam, nữ x 04cái/năm học
10	<b>Xọt đựng rác</b> - Xuất xứ: Công ty nhựa Việt Nhật - Việt Nam - Màu sắc: Đỏ - Kích Thước: Đường kính 26cm x Cao 30cm	Cái	10	25.000	250.000	10 phòng VS x 01 cái/năm
11	<b>Túi bóng đen</b> - Quy cách: túi bóng đen có quai xách, KT 45x 50cm	Kg	20	25.000	500.000	Thay túi lót xọt rác NVS hằng ngày
12	<b>Chổi để tre</b> Quy cách: chất liệu bằng tre thiên nhiên được bó bền chắc và mềm dai, cán dài	Cái	15	70.000	1.050.000	dùng quét sân x 15 cái/năm học
13	<b>Bì đựng rác</b>	Cái	900	2500	2.250.000	Tuần sử dụng 25 bì đựng rác
<b>III</b>	<b>Tổng dự kiến chi (I+II)</b>				<b>73.080.000</b>	

### **Phần dự kiến thu**

Dự kiến mức thu 20.000đ/HS/ tháng x 9 tháng = 1800.000/HS/năm.

Miễn 21 học sinh khuyết tật, con hộ nghèo, cận nghèo, con có HC gia đình khó khăn.

Dự kiến thu được: 406 HS x 1800.000đ = 73.080.000 đồng.

### **1.1.6. Nước uống**

- Đối tượng thu: Học sinh đang học tại trường.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học nêu rõ “Trường học cung cấp đủ nước uống cho học sinh, tối thiểu 0,5 lít về mùa hè; 0,3 lít về mùa đông cho một học sinh trong một buổi học”. HS học 9 buổi / tuần, học 35 tuần/ năm học.

Trung bình 0,4 lít nước/buổi/học sinh.

### **Phần dự kiến chi:**

Chi theo hợp đồng sử dụng hệ thống nước lọc của Công ty cổ phần ĐTPT nước HOÀNG DƯƠNG do Ông: Đặng Đức Bảo Dũng làm Giám đốc.

Địa chỉ: căn M1.B 503 tòa B, tầng 15, khu chung cư Moonlight, khu đô thị An Lạc Green Symphony, xã vân canh huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Chi trả nhà cung cấp theo học kỳ: Học kỳ I vào ngày 29/12/2024

Học Kỳ II vào ngày 29/5/2025

Dự kiến chi 1 HS cho 1 năm học: 15.000 đ x 9 tháng =135.000đ

Dự kiến chi 1 tháng/ hs: 135.000 đồng: 9 tháng = 15.000 đồng

(số tiền trên đã bao gồm thuế GTGT).

**Phân dự kiến thu:**

- Dự kiến mức thu: 15.000đ/HS/ tháng x 9 tháng = 135.000/HS/năm.
- Miễn 06 học sinh thuộc đối tượng HS khuyết tật, con hộ nghèo theo quy chế của công ty.
- Dự kiến thu: 421HS x 135.000 đồng/hs/năm học = 56.835.000 đồng

**1.2 Thu dịch vụ hỗ trợ HDGD không quy định mức trần: Số liên lạc điện tử**

Chi trả theo hợp đồng với nhà cung cấp. CMHS thỏa thuận sử dụng gói cước 60.000đ/năm học

Nhà trường ký hợp đồng với nhà cung cấp Vinaphone chi nhánh Hoa Lư.

Miễn 29 học sinh con hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc, hoàn cảnh khó khăn theo chế độ của công ty.

Dự kiến thu: 398 HS x 60 = 23.880.000đ/HS/năm

**2. Tài trợ của các tổ chức cá nhân**

Thực hiện theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Có bản kế hoạch riêng)

**3. Các khoản thu khác**

**3.1. Bảo hiểm thân thể cho học sinh (Bảo Việt)**

Thực hiện theo Công văn số 1044/CV-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của UBND huyện Hoa Lư về việc tiếp tục thực hiện Bảo Việt cho giáo viên và học sinh năm học 2024-2025, nhà trường phối hợp với cơ quan Bảo Việt, các cơ quan bảo hiểm tuyên truyền, vận động học sinh tự nguyện tham gia.

- Đối tượng tham gia: Học sinh đang học tại trường có nguyện vọng, tự nguyện tham gia.

- Mức thu: 150.000đ/HS/năm

- Tổ chức thu, chi: Cơ quan Bảo Việt

**3.2. Bảo hiểm y tế cho học sinh**

Thực hiện theo Văn bản liên ngành số 1212/UBND-BHXH ngày 23/8/2024 của UBND huyện Hoa Lư về việc thực hiện BHYT học sinh, sinh viên năm học 2024-2025.

- Đối tượng tham gia: HS của trường không thuộc đối tượng chính sách, chưa có BHYT.

- Mức thu: 52.650đ/HS/tháng

- Tổ chức thu, chi: Cơ quan bảo hiểm xã hội

**3.3. Quỹ Đội**

Thực hiện theo quy định tại hướng dẫn số 01-HD/TĐTN-SGDĐT ngày 26/9/2017 của Tỉnh Đoàn Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và quản lý quỹ Đoàn, Đội trong trường học.

- Đối tượng tham gia: HS là Đội viên của Liên Đội trường.

- Mức thu: 20.000đ/HS/năm

**Dự kiến đội chi:**

- Trích nộp quỹ đội (30% số tiền thu được): 2.562.000đ

- Cờ đội, sổ sách, mua mới hoặc sửa trông đội....: 3.000.000đ

- Chi đại hội liên đội: 978.000 đ
- Thưởng cho đội viên có TT xuất sắc 20.000đ/HS: 1.000.000đ (khoảng 50 đội viên/ năm học)

**Dự kiến đội thu: 20.000đồng/hs/năm học.** (Áp dụng thu đôi với đội viên)

- Dự kiến mức thu 20.000đ/HS/ năm
- Dự kiến thu được: 427HS x 20.000đồng/hs/năm học = 8.540.000 đồng

### **3.4. Đồng phục học sinh**

Do CMHS may hoặc tự mua đồng phục (theo quyết định việc mặc đồng phục và quy định kiểu dáng, màu sắc, số ngày mặc đồng phục trong tuần của nhà trường).

### **3.5. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh**

Kinh phí hoạt động của cha mẹ học sinh: Huy động từ sự đóng góp tự nguyện của cha mẹ học sinh và các nguồn tài trợ hợp pháp khác. Kinh phí do Ban đại diện CMHS lớp, Ban đại diện CMHS trường quản lý thu, chi.

## **IV. Điều khoản thực hiện**

- Các khoản thu:

+ Thực hiện thu từ tháng 09/2024 (Sau khi nhà trường và Cha mẹ học sinh hoàn thành xong biên bản thỏa thuận).

+ Người thu: Kế toán lập danh sách; CMHS nộp qua tài khoản ngân hàng của nhà trường mở tại Viettinbank hoặc CMHS (HS) nộp bằng TM cho thủ quỹ nhà trường.

- Các khoản chi: Chi theo nội dung đã dự toán chi, thực hiện chi trong năm học 2024 – 2025. Các khoản thu – chi đều phải có hoá đơn chứng từ hợp lệ, đúng nguyên tắc tài chính.

Nhà trường sẽ quyết toán, công khai các khoản thu, chi các khoản ngoài ngân sách tới toàn thể CMHS trong phiên họp trường, họp CMHS cuối kỳ, cuối năm, trên trang Web nhà trường, niêm yết công khai trên bảng công khai nhà trường.

## **V. Tổ chức thực hiện**

### **1. Ban giám hiệu**

Xây dựng chủ trương, kế hoạch thu chi các khoản ngoài ngân sách trong đó có các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục.

Tổ chức công khai kế hoạch sau khi được thống nhất với CMHS.

Tổ chức thực hiện sau 15 ngày thực hiện công khai (nếu không có ý kiến gì). Báo cáo, quyết toán trong cuộc họp cha mẹ học sinh cuối kỳ và cuối năm học.

Tổng hợp danh sách những học sinh con hộ nghèo, cận nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh dân tộc, học sinh có hoàn cảnh gđ khó khăn.

Thực hiện miễn, giảm, hỗ trợ đối với những học sinh con hộ nghèo, cận nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh dân tộc, học sinh có hoàn cảnh gđ khó khăn...

### **2. Giáo viên chủ nhiệm lớp**

Tham gia tuyên truyền để cha mẹ học sinh hiểu và thống nhất theo những nội dung có trong kế hoạch;

### **3. Tổ Văn phòng**

Mở sổ theo dõi, tổng hợp kinh phí, thực hiện thu – chi quyết toán các khoản ngoài ngân sách năm học 2024-2025 đúng hướng dẫn, đúng luật tài chính.

#### **4. Ban đại diện cha mẹ học sinh**

Phối hợp với nhà trường tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch.

Trên đây là kế hoạch thực hiện thu, chi các khoản ngoài ngân sách năm học 2024-2025 của trường THCS Ninh Mỹ./.

**Nơi nhận:**

- Ban ĐDCMHS nhà trường;
- Ban ĐDCMHS các lớp;
- BGH, CBGV, NV nhà trường
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đào Thị Nhàn**

**BẢNG DỰ TRÙ**  
**Kinh phí chi các khoản ngoài ngân sách**  
**Năm học 2024- 2025**

**1. khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục quy định mức trần**

**1.1 Trông giữ xe đạp**

STT	Khoản chi	Tên hàng hóa, dịch vụ	Dự kiến chi					Ghi chú
			Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Tháng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)	
1	Trông giữ xe đạp	Thuê nhân công	Tháng	1	2.500.000	9	22.500.000	Từ tháng 9/2024 đến hết tháng 5/2025
		Mua sắm và bảo dưỡng 01 số thiết bị	Tháng	1	Khoảng 300.000	9	2.700.000	
		Thuế dịch vụ	10%				2.600.000	
	<b>Cộng</b>					<b>27.800.000</b>		

**1.1.2. Thẻ học sinh**

STT	Khoản chi	Dự kiến chi
2	Thẻ học sinh	- Chi trả theo hóa đơn thực tế, Hợp đồng với nhà cung cấp ảnh, in ấn thẻ 30.000đ/01 thẻ/HS

**1.1.3. Dạy học thêm**

STT	Khoản chi	Dự kiến chi
3	Dạy học thêm	- 2% nộp thuế - 74% GV trực tiếp dạy thêm. - 5% Tu bổ CSVC nhà trường. - 19% Chi công tác quản lý dạy học thêm.

**1.1.4. Học phẩm phục vụ các kỳ thi kiểm tra**

STT	Khoản chi	Dự kiến chi					Ghi chú
		Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	

4	Học phẩm phục vụ các kỳ thi kiểm tra	Phô tô A3 05 kỳ thi	Tờ	2.500	1.000	2.500.000	Cả năm học
		Phô tô A4 05 kỳ thi	Tờ	6.800	500	3.400.000	
		Mua giấy nháp 5 kỳ thi	Tờ	30 gam	50.000	1.500.000	
		Mua giấy thi 5 kỳ thi	Tờ	3.500	1.500	5.950.000	
		Mua giấy, phô tô 02 kỳ Kiểm định K6,K8 và 02 kỳ thi thử vào THPT K9	Tờ	4 lượt	1.000	4.000.000	
		Văn phòng phẩm khác	kỳ thi kiểm tra kiểm định	9	880	7.920.000	
<b>Cộng</b>						<b>25.270.000</b>	

### 3.1.5. Vệ sinh trường, khu vệ sinh

S T T	Khoản chi	Dự kiến chi					Ghi chú	
		Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		
5	Vệ sinh	I	Thuê nhân công			54.000.000		
		1	Trả tiền công thuê người quét dọn sân trường.	Tháng	9	3.000.000	27.000.000	Từ tháng 9/2024 đến hết tháng 5/2025
		2	Trả tiền công thuê người quét dọn, rửa khu nhà vệ sinh học sinh	Tháng	9	2.000.000	18.000.000	
		3	Ô tô chở đi và xử lý rác	Tháng	9	1.000.000	9.000.000	
	II	Mua sắm đồ dùng vệ sinh				19.080.000		

trường, khu vệ sinh	1	Giấy vệ sinh Hoàng Linh Quy cách: 1 bịch có 10 dây; 1 dây đóng gói bao 10 cuộn/dây x 3 lớp không lõi.	Bịch	15	450.000	6.750.000	10 phòng VS x 1.5 bịch/năm học
	2	Bánh xà phòng Lifeboy: - Thương hiệu: Lifebuoy - Thông số kỹ thuật: 125g - Đơn vị tính: 1 bánh - Màu sắc: Hồng	Bánh	54	20.000	1.080.000	6 bồn rửa tay x 01 bánh/t háng
	3	Nước tẩy nhà vệ sinh Okay Quy cách: đóng chai 900ml, chai màu hồng.	Chai	90	45.000	4.050.000	10 phòng VS x chai/t háng
	4	Nước lau sàn Bontany sả chanh Quy cách: đóng chai 1,25 lít. Dạng gel lỏng màu xanh	Chai	20	50.000	1.000.000	10 phòng vệ sinh x 02 chai/n ăm học
	5	Chổi đót Quy cách: chất liệu bông cỏ thiên nhiên được bó bên chắc và mềm dai, cán nhựa dài, trọng lượng 450 gram, độ rộng lưỡi chổi 55cm, nhãn hiệu song long	Cái	10	50.000	500.000	5 cái/họ c kỳ
	6	Chổi cọ toilet Quy cách: cán cầm bằng inox dày dặn dài 30cm, phần đầu cọ các sợi dai và bền	Cái	20	30.000	600.000	10 nhà vệ sinh x 01 cái/ học kỳ
	7	Găng tay cao su Quy cách: đóng gói 1 đôi/túi, dài 20cm, chất liệu cao su mềm, nhiều màu.	Đôi	20	20.000	400.000	10 đôi/họ c kỳ

		8	Cây lau nhà cán inox song long: -Xuất xứ: Hàng Việt Nam -Màu sắc: xanh -Chất liệu: Inox không gỉ -KT cây lau: 145cm. -KT Bản lau: 90cm -Bông lau: sợi Mycrofiber siêu thấm	Cái	5	70.000	350.000	Lau sàn VS cả năm
		9	Chổi cước quét nước cán inox NK: Quy cách: Cán cầm dài 130cm bằng thép không gỉ, sợi cước công nghiệp được nẹp bên chắc, sợi cước mềm, độ rộng lưỡi chổi 45cm, trọng lượng 350 gram	Cái	6	50.000	300.000	02 nhà vệ sinh nam, nữ x 04cái/năm học
		10	Xọt đựng rác - Xuất xứ: Công ty nhựa Việt Nhật - Việt Nam - Màu sắc: Đỏ - Kích Thước: Đường kính 26cm x Cao 30cm	Cái	10	25.000	250.000	10 phòng VS x 01 cái/năm
		11	Túi bóng đen - Quy cách: túi bóng đen có quai xách, KT 45x 50cm	Kg	20	25.000	500.000	Thay túi lót xọt rác NVS hằng ngày
		12	Chổi dể tre Quy cách: chất liệu bằng tre thiên nhiên được bó bên chắc và mềm dai, cán dài	Cái	15	70.000	1.050.000	dùng quét sân x 15 cái/năm học
		13	Bì đựng rác	Cái	900	2500	2.250.000	Tuần sử dụng 25 bì đựng rác
		<b>III</b>	<b>Tổng dự kiến chi (I+II)</b>				<b>73.080.000</b>	

### 1.1.6. Nước uống

STT	Khoản chi	Dự kiến chi
6	Nước uống	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chi theo hợp đồng sử dụng hệ thống nước lọc của Công ty cổ phần ĐTPT nước HOÀNG DƯƠNG do Ông: Đặng Đức Bảo Dũng làm Giám đốc.</li><li>- Địa chỉ: căn M1.B 503 tòa B, tầng 15, khu chung cư Moonlight , khu đô thị An Lạc Green Symphony, xã vân canh huyện Hoài Đức, Hà Nội.</li><li>- Thời gian chi trả nhà cung cấp theo học kỳ:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Học kỳ I vào ngày 29/12/2024</li><li>+ Học Kỳ II vào ngày 29/5/2025</li></ul></li><li>- Dự kiến chi 15.000 đ/HS/tháng , 135.000đ/HS/năm (số tiền trên đã bao gồm thuế GTGT)</li></ul>

### 1.2 Thu dịch vụ hỗ trợ HDGD không quy định mức trần

STT	Khoản chi	Dự kiến chi
1	Sổ liên lạc điện tử	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chi trả theo hợp đồng với nhà cung cấp.</li><li>- CMHS thỏa thuận sử dụng gói cước 60.000đ/HS/năm học.</li><li>- Nhà trường ký hợp đồng với nhà cung cấp Vinaphone chi nhánh Hoa Lư.</li><li>- Miễn 29 học sinh con hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc, hoàn cảnh khó khăn theo chế độ của công ty.</li><li>- Thời gian chi trả nhà cung cấp theo học kỳ: 30/9/2024</li></ul>

### 2. Tài trợ của các tổ chức cá nhân

Thực hiện theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (*Thực hiện theo kế hoạch riêng*)

### 3. Các khoản chi khác

STT	Khoản chi	Dự kiến chi
1	Bảo hiểm thân thể	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS tự nguyện tham gia.</li><li>- CMHS chọn mức tham gia 150.000đ/HS/12 tháng.</li><li>- 150.000đ/HS/12 tháng nộp cho BV Ninh Bình</li></ul>
2	Bảo hiểm y tế	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS của trường không thuộc đối tượng chính sách,</li><li>- HS chưa có BH Y tế.</li><li>- 52.650đ/HS/tháng nộp cho BHXH huyện Hoa Lư.</li></ul>
3	Quỹ Đội	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trích nộp quỹ đội (30% số tiền thu được): 2.562.000đ</li><li>- Cờ đội, sổ sách, mua mới hoặc sửa trông đội.....: 3.000.000đ</li><li>- Chi đại hội liên đội đầu năm: 978.000 đ</li><li>- Thưởng cho đội viên có TT xuất sắc 20.000đ/HS: 1.000.000đ (khoảng 50 lượt đội viên/ năm học)</li></ul>

4	Đồng phục học sinh	- CMHS tự may hoặc tự mua đồng phục (theo quyết định việc mặc đồng phục và quy định kiểu dáng, màu sắc, số ngày mặc đồng phục trong tuần của nhà trường).
5	Kinh phí hoạt động của BDD CMHS	- Chi theo quy chế chi tiêu nội bộ của BĐ D CMHS trường năm học 2024 - 2025

**BẢNG DỰ TRÙ**  
**Kinh phí thu các khoản ngoài ngân sách**  
**Năm học 2024- 2025**

STT	Khoản ngoài ngân sách	Dự kiến thu	Ghi chú
1	Trông giữ xe đạp	90.000đ/HS đi xe/ năm	
2	Thẻ học sinh	30.000đ/hs lớp 6/Thẻ	
3	Dạy học thêm	7.000đ/tiết	
4	Học phẩm phục vụ các kỳ thi kiểm tra	60.000đ/Hs/ năm	
5	VS trường và dọn khu vệ sinh HS	180.000đ/Hs/ năm	
6	Nước uống	135.000đ/hs/năm	
7	SỔ LL điện tử	Theo mức thỏa thuận.	
8	Bảo vệ	150.000đ/học sinh/năm học.	
9	Bảo hiểm y tế	631.800đ/HS/năm	
10	Quỹ đội	20.000đ/hs/năm	